

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 30/9/2021

“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hải
Ông Nguyễn Đức Thiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 18/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Sơn H, sinh năm 1968 (có mặt).

Bị đơn: Anh Đinh Văn T (Tên khác Đinh Đức T), sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu A, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên nguyên đơn:

Bà Đỗ Quỳnh H1, sinh năm 1976 (Vợ ông H, giấy ủy quyền cho ông H ngày 16/12/2020).

Anh Bùi Sơn T1, sinh năm 1996 (Con trai ông H giấy ủy quyền cho ông H ngày 15/12/2020).

Anh Bùi Văn V, sinh năm 1989 (Con nuôi ông H, giấy ủy quyền cho ông H ngày 15/12/2020).

Chị Bùi Thị Sơn T2, sinh năm 2002 (Con gái ông H, giấy ủy quyền cho ông H ngày 16/12/2020).

Cùng địa chỉ: Khu A, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn:

Chị Đinh Thị H2, sinh năm 1980 (Vợ anh T, giấy ủy quyền cho bà Phạm Thị

L ngày 09/8/2021).

Cháu Đinh Thị Hồng H3, sinh năm 2000 (Con anh T, vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khu A, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Người làm chứng:

Ông Hà Minh T3, sinh năm 1963 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khu A, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, những lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Bùi Sơn H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất vợ chồng tôi đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) ngày 14/02/2003 cho hộ ông Bùi Sơn H, diện tích 108 m² là mua lại đất thổ cư của ông Trần Ngọc Đ (vợ là bà Phùng Thị N) từ tháng 01/1996, có chiều rộng theo mặt đường QL70B là 4 m, chiều dài hết phần đất giáp suối phía sau và nhà được xây dựng kiên cố. Khoảng năm 2010, lợi dụng những ngày gia đình tôi có việc đi vắng, nên vợ chồng anh Đinh Văn T và chị Đinh Thị H2 ở khu A, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ, xây tường quán bằng gạch nung dày khoảng 10 cm có lấn sang đất thổ cư của tôi chiều cao khoảng 2 m, rộng 15 cm, dài khoảng 3 m. Hôm sau vợ chồng tôi đã yêu cầu anh T dỡ bỏ bức tường đó, nhưng vì anh T cho rằng nhà tôi rửa xe bắn nước sang nhà anh vào hàng hóa nên đã xây tường chắn, không có mục đích gì khác, sau đó anh T lợp mái tôn và chuyển cửa quán ra sát lề đường. Tôi đã sang nhà anh T nói chuyện để giải quyết tình cảm nhiều lần nhưng anh T không nghe và nói là không lấn chiếm đất của tôi. Nay tôi đề nghị vợ chồng anh T phải trả đất đã lấn chiếm cho gia đình tôi, buộc anh T phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng lấn chiếm sang đất của tôi. Diện tích đất tăng thêm lý do năm 1997 gia đình tôi tiếp tục mua của ông Đ và bà N có chiều rộng theo mặt đường QL70B là 2,5 m, chiều dài hết phần đất phía sau. Khoảng năm 1999 (không nhớ cụ thể) gia đình tiếp tục mua đất của ông Trần Văn T (đất của ông T mua của ông Đ, bà N) có chiều rộng theo mặt đường QL70B là 5 m. Toàn bộ diện tích đất mua thêm đến nay chưa hợp thức quyền sử dụng, lý do bị mất do mưa lũ cuốn trôi hết giấy tờ năm 2002. Phía cuối thửa đất nhà tôi có 01 nhà vệ sinh sử dụng từ năm 1996, là ranh giới giáp đất anh T đang sử dụng. Ông Đ chết cách đây khoảng 2 năm, bà N đi tù cách đây khoảng 4-5 năm.

Anh Đinh Văn T là bị đơn trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay:

Tôi là con trai của bà Phạm Thị L và ông Đinh Minh Đ. Về nguồn gốc thửa đất tôi đang ở và được cấp GCNQSDĐ ngày 14/02/2003 cho hộ ông Đinh Đức T – cũng là tôi, diện tích 200 m² là do bố mẹ tôi chuyển nhượng. Trước đây vào năm 1996 khi làm nhà, gia đình tôi có xây bức tường từ phía sau ra đến mép đường. Đến năm 2014 tôi xây và nâng cấp tường lên, sau khi xây xong ông H có nói gia đình tôi xây sang khoảng 5 cm đến 10 cm là không đúng vì mặt đất mặt đường nhà

tôi 10 m, tường xây trên tường cũ, móng cũ, sử dụng đúng diện tích quy định không lấn chiếm đường cũng như đất của ông H. Nay ông H khởi kiện tôi và nói là gia đình tôi lấn chiếm đất thổ cư của ông, tôi khẳng định là gia đình tôi không lấn chiếm đất thổ cư của ông H. Đất ở nhà tôi sử dụng ổn định từ trước cho đến nay.

Bà Phạm Thị L là người được chị Đinh Thị H2 ủy quyền trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay:

Tôi là mẹ đẻ anh Đinh Văn T, tôi và chồng tôi là Đinh Văn Đ năm 1996 có mua 01 thửa đất diện tích 200 m², số thửa 39^c, tờ bản đồ số 40, được cấp GCNQSDĐ năm 1996. Sau đó 2 vợ chồng có chuyển nhượng cho con trai cả tôi là Đinh Văn T (Đinh Đức T). Diện tích đất ở trên vẫn do gia đình ở chung, diện tích chiều ngang mặt đường 10m, chiều dài 20m nhưng sử dụng hết đất ra đến tận suối. Thực trạng hiện nay gia đình tôi đang sử dụng 276 m², diện tích đất tăng thêm là do gia đình tôi xúc đất phía suối đổ vào phía sau nhà, diện tích đất tăng thêm chưa hợp thức quyền sử dụng.

Tháng 4/1996 gia đình ông H làm nhà gỗ lợp ngói sửa xe đạp, lúc dựng nhà, ông H dựng hàng cột vào giữa biên giới 2 ô đất, vì kèo sang đất nhà tôi vào khoảng 1,5 m, lúc đó tôi bảo ông H cắt vì kèo, nhưng ông H không cắt để tôi làm nhà. Do vậy tôi phải đào móng lui vào và xây nhà còn 8,5 m, từ đó tôi cũng không biết đề nghị ở đâu để lấy lại đất và cũng không nói gì nữa. Cách đây khoảng 5 năm con trai tôi xây tường quán ra phía trước thì ông H và vợ ông H có cùng con trai tôi (T) khiêng cây cảnh nhà ông H ra chỗ khác để xây và không có ý kiến gì. Xây xong được vài tháng thì ông H có nói con tôi lấn chiếm. Khi ông H làm nhà tôi có yêu cầu trả đất nhưng ông H vẫn cứ xây trên đất mượn của gia đình tôi, cách tường xây nhà tôi khoảng 40 cm, tôi không nói gì. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho gia đình tôi. Tôi xác nhận phía cuối thửa đất nhà ông H đang sử dụng có 01 nhà vệ sinh xây từ trước năm 1996 giáp đất con trai tôi (T).

Ông Hà Minh T3 là người làm chứng trình bày: Ông không có mối quan hệ anh em họ hàng gì với ông H, anh T. Ông là hàng xóm giáp tường nhà xây anh T. Gia đình anh T xây nhà năm 1996 đến khi nhà nước thu hồi đất làm đường QL70B năm 2009 và sau đó thì 2 hộ ông H, anh T sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì phần tường xây quán của anh T giáp ông H. Quán nhà anh T một bên tôi đang cho mượn tường, một bên đang tranh chấp với anh H. Quán của anh T được xây dựng trên nền móng cũ của gia đình anh T xây năm 1996.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định:

Đất hộ ông Bùi Sơn H (thửa đất 39^b, tờ bản đồ số 40): Tính từ mép ngoài rãnh cống hộp thoát nước đường QL70B đến diện tích đất có tài sản (Bức tường) đang tranh chấp có chiều dài là 1,47m (Đất hành lang). Mặt tiền giáp đường QL70B có chiều ngang là 11,38 m là phần đất sau cống hộp đường. Chiều ngang mặt trước quán là 11,30 m. Chiều ngang mặt trước nhà là 11,31 m.

Đất hộ anh Đinh Văn T (thửa đất 39^c, tờ bản đồ số 40): Tính từ mép ngoài rãnh cống hộp thoát nước đường QL70B đến diện tích đất có tài sản (Bức tường)

giáp nhà ông H là 1,6 m, đến điểm giáp nhà ông Hà Minh Thành có chiều dài là 2,1 m (Đất hành lang). Mặt trước giáp đường QL70B có chiều ngang là 8,59 m là phần đất sau cổng hộp đường. Ở giữa 2 thửa đất có 01 khoảng đất rộng 0,26 m (phần đất không tranh chấp giữa tường lớn của 2 nhà, chưa xác định rõ của ai, có 07 bản ảnh kèm theo). Diện tích đất tranh chấp là 1,0 m².

Tại biên bản định giá tài sản đã kết luận:

1,0 m² đất thổ cư đang tranh chấp giá trị 7.000.000 đồng.

Bức tường xây trên diện tích đất tranh chấp giá trị 2.388.000 đồng.

Tại biên bản làm việc với đại diện UBND xã N cung cấp nội dung:

Bản đồ 299 sử dụng từ năm 1987, được chụp và sao lại ngày 20/6/2002. Về hình thể thửa đất không xác định cụ thể ranh giới chiều các cạnh thửa đất của hộ ông Bùi Sơn H và hộ anh Đinh Văn T. Hiện nay các bên có tranh chấp vẫn sử dụng bản đồ 299 làm căn cứ giải quyết. Bản đồ số đo vẽ năm 2012 là bản đồ đo hiện trạng sử dụng đất của các gia đình hiện nay, các bên không đồng ý nên không sử dụng làm căn cứ giải quyết.

Nguồn gốc đất của bà Phạm Thị L (mẹ anh Đinh Văn T) là mua của ông Đỗ Xuân N, sinh năm 1970, về xác định các cạnh cụ thể của diện tích đất đã mua bán thì địa phương không xác định được.

Nguồn gốc đất của hộ ông Bùi Sơn H, ông H mua của ông Trần Ngọc Đ và bà Phùng Thị N.

Từ khi các hộ nhận chuyển nhượng đất và xây nhà ở ổn định đến ngày 09/6/2019 thì mới xảy ra tranh chấp (ông H có đơn đề nghị giải quyết tranh chấp theo sổ thụ lý số thứ tự 14 của UBND xã).

Từ năm 1998 là thời điểm ông H làm nhà trên đất đến trước ngày 09/6/2019 địa phương không nhận được đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất của bà Phạm Thị L cũng như hồ sơ đổi đất hay văn bản mượn đất giữa hai hộ Phạm Thị L và Bùi Sơn H (Sau này là giữa 2 hộ anh T và ông H).

GCNQSDĐ của ông H được cấp năm 2003, diện tích được cấp là 108 m², hiện nay đang sử dụng sau khi thẩm định tại chỗ là 321,8 m². Diện tích tăng thêm được xác định hiện ông H không có tranh chấp với các hộ xung quanh, ngoại trừ hộ anh T. Diện tích đất tăng thêm là do mua của ông Đ, bà N nhiều lần nhưng không làm thủ tục chuyển nhượng qua UBND xã. Đất tranh chấp không thuộc đất hành lang giao thông, không thuộc đất đã đền bù giải phóng mặt bằng để làm đường QL70B hiện nay.

Diện tích đất của anh T được cấp năm 2003 là 200 m², hiện nay đang sử dụng sau khi thẩm định tại chỗ là 276 m². Diện tích tăng thêm được xác định hiện anh T lấn chiếm về phía sau bãi bồi của suối và phần đất tranh chấp chưa xác định của ai với hộ ông H. Diện tích đất tăng thêm chưa làm thủ tục qua UBND xã.

Tại biên bản làm việc và công văn trả lời của đại diện Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất (VPĐKQSDĐ) – Phòng tài nguyên và môi trường huyện YL cung cấp nội dung:

Không tìm thấy hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Bùi Sơn H và hộ ông Đinh Đức T cấp năm 2003.

Đối với biên bản kiểm kê thu hồi diện tích đất của hộ ông Bùi Sơn H, ông Đinh Đức T (Đinh Văn T) được thu hồi theo hiện trạng các hộ sử dụng trên cơ sở chủ sử dụng đất xác định ranh giới đất được sử dụng theo biên bản kiểm kê ngày 16/11/2009.

Bản vẽ trích đo địa chính thu hồi đất làm đường QL70B, VPĐKQSDĐ cung cấp bản sao từ sổ mặt bằng trích đo địa chính thu hồi kèm theo Quyết định số 249/QĐ-UB ngày 27/01/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ (thửa 2573), thửa đất này chưa được trích đo chi tiết đến từng thửa đất của các hộ.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Bùi Sơn H và hộ ông Đinh Đức T (Tên khác Đinh Văn T) thì không xác định được hộ gia đình có những ai.

Để giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất thời điểm các hộ được cấp GCNQSDĐ năm 2003 thì căn cứ theo bản đồ giải thửa 299 do UBND xã N cung cấp thì không thể hiện chi tiết rõ diện tích các thửa đất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai; Khoản 3 Điều 155, Điều 221 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 15 Điều 3, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 26, Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1,3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Sơn H đối với anh Đinh Văn T (Tên khác Đinh Đức T) về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1,0 m² giá trị 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) có chỉ giới 14,15,16,17,14 theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện YL lập tháng 8/2021, địa chỉ thuộc khu 13, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Bùi Sơn H khởi kiện anh Đinh Văn T có hộ khẩu thường trú tại khu A xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, như vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng, thời hiệu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều đã được thông báo và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án; Kết quả phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất mặc dù năm 2010 ông H cho rằng anh T xây dựng tường rào trên đất của ông nhưng đến ngày 09/6/2019 ông H mới có đơn yêu cầu UBND xã giải quyết tranh chấp sau hơn 9 năm, nhưng theo quy định tại khoản 3 Điều 155 BLDS thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn là anh Đinh Văn T và người có nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị H2 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất. Diện tích đất này đã được cấp GCNQSDĐ năm 2003, tại thửa 39^b, tờ bản đồ số 40, địa chỉ tại khu 13, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ; Hồ sơ giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất được UBND xã N hòa giải đầy đủ theo đúng quy định tại Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Điều 202 Luật đất đai. Như vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định là quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[4] Về nội dung vụ án: Ông Bùi Sơn H khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Đinh Văn T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm sau khi đo đạc thẩm định là 1,0 m², có chỉ giới 14,15,16,17,14 theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện YL đo đạc là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

Thứ nhất, đối với hình thể thửa đất của ông H theo bản đồ số đo vẽ năm 2012, tại các điểm 11,12,13,14 thì giữa gia đình ông H và anh T sử dụng ổn định từ năm 1996 khi gia đình bà L (anh T hiện nay đang sử dụng) xây nhà, đến năm 1998 ông H xây nhà và cho đến ngày hôm nay không có tranh chấp, các bên vẫn đang tôn trọng ranh giới hiện trạng sử dụng đất.

Thứ hai, từ điểm 13A đến điểm 1B là vị trí trước cửa nhà ông H có chiều dài 11,31 m, từ điểm 14A đến điểm 1A là vị trí cửa quán nhà ông H có chiều dài 11,30 m, từ điểm 15 đến điểm 1 là vị trí sau cổng hộp thoát nước đường QL70B là sân trước cửa quán nhà ông H có chiều dài 11,38 m. Từ đó thấy rằng từ phía tường bên ngoài phía trước nhà xây của ông H (không có tranh chấp) ra đến phía đường QL70B, phía trong cổng hộp thoát nước là đất của ông H có dạng hình chữ nhật, có cạnh chiều rộng tương đối bằng nhau, chỉ mở rộng thêm phía đường QL70B là 8 cm. Nếu đất hiện nay ông H đang sử dụng cộng thêm phần đất đang tranh chấp là 11,38 m + 0,29 m = 11,67 m là thừa 17 cm so với yêu cầu sử dụng đất của ông H đã mua và đã được đền bù năm 2009. Nếu đất của anh T đang sử dụng là 8,3 m +

0,29 m = 8,59 m là phù hợp với cạnh thửa đất giáp đường QL70B bây giờ và đã được đền bù năm 2009.

[5] Việc ông H trình bày đất của ông có chiều rộng theo mặt đường QL 70B là 11,50 m, bà L, anh T trình bày mặt trước giáp đường QL70B của anh T có chiều rộng là 10 m đều không có cơ sở để chứng minh, vì trong GCNQSDĐ của cả hai bên chỉ ghi diện tích, số tờ bản đồ, số thửa, mà không có sơ đồ, chỉ giới, hình thửa đất cụ thể, kể cả bản đồ 299 cũng không phân định ranh giới đất của các hộ liền kề, bản vẽ thu hồi đất theo Quyết định 249 của UBND tỉnh Phú Thọ cũng không có phần đo vẽ thu hồi cụ thể mốc giới, diện tích đất của ông H, anh T. Hai bên đã sử dụng ổn định diện tích đất từ năm 1996 và khi nhà nước thu hồi đất làm đường QL70B đến nay.

[6] Mặt khác tại hồ sơ thu hồi đất của hai hộ để làm Quốc lộ 70B thể hiện:
+ Hộ ông H đã thu hồi diện tích đất là 37,95 m² trong đó thể hiện mặt trước giáp đường có chiều rộng là 11,50 m.
+ Đối với hộ anh T đã thu hồi diện tích đất là 26,23 m², trong đó thể hiện mặt trước giáp đường có chiều rộng là 8,60 m. Khi đo đếm diện tích thu hồi cũng không có tranh chấp gì giữa hai hộ.

Từ những căn cứ đã phân tích nêu trên, đối chiếu với biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì không có căn cứ xác định anh T đã lấn chiếm đất của ông H.

[7] Về chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 2.300.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông H không được chấp nhận nên ông H phải chịu theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 203 Luật đất đai; Khoản 3 Điều 155, Điều 221 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 15 Điều 3, khoản 2 Điều 5, khoản 2 Điều 26, Điều 100 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1,3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Sơn H đối với anh Đinh Văn T (Tên khác Đinh Đức T) về tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 1,0 m² giá trị 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) có chỉ giới 14,15,16,17,14 theo bản trích đo địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện YL lập tháng 8/2021, địa

chỉ thuộc khu A, xã N, huyện YL, tỉnh Phú Thọ (Kèm theo).

Về chi phí tố tụng (chi phí định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ): Ông Bùi Sơn H phải chịu toàn bộ số tiền 2.300.000đ (Hai triệu ba trăm nghìn đồng). Xác nhận ông H đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Sơn H phải chịu 350.000đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận ông Bùi Sơn H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2020/0004547, ngày 19/5/2021. Nay ông H phải nộp tiếp số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện YL;
- Chi cục THADS huyện YL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh